
BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH BÁO CHÍ, CHUYÊN NGÀNH BÁO IN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4390 -QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2022
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tên văn bằng	: Cử nhân Báo chí
Trình độ đào tạo	: Đại học
Tên CTĐT	: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Báo chí, chuyên ngành Báo in
Tên tiếng Anh	: BA program in Print Journalism
Mã số	: 7320101
Thời gian đào tạo	: 4 năm
Khoa quản lý	: Viện Báo chí

1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Viện Báo chí

1.1. Sứ mạng

- Sứ mạng của Học viện:

Là trường Đảng, trường đại học được xây dựng thành trường trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Học viện có sứ mệnh nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác

- Sứ mạng của Viện:

Viện Báo chí thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

1.2. Tầm nhìn

- Tầm nhìn của Học viện:

Học viện là trường Đảng, đồng thời là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, hàng đầu của Việt Nam. Tiếp tục khẳng định, giữ vững vị thế của một trường đại học hàng đầu trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu lĩnh vực lý luận chính trị, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông với đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và quốc tế.

Học viện phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực; phấn đấu đến 2045 trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín cao và được xếp hạng quốc tế.

- Tầm nhìn của Viện:

Viện Báo chí thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực báo chí truyền thông. Viện không ngừng phấn đấu trở thành đơn vị có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới.

1.3. Giá trị cốt lõi

- Giá trị cốt lõi của Học viện:

- + Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.
- + Dân chủ: là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.
- + Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện.
- + Sáng tạo: Là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.
- + Chất lượng: là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Học viện, hướng tới xây dựng văn hóa chất lượng.
- + Công hiến: là trách nhiệm, lý tưởng, lối sống của mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Học viện.

- Giá trị cốt lõi của Viện Báo chí: Bản lĩnh, sáng tạo.

- + Bản lĩnh: là khả năng vững vàng, tự tin và kiên định trong suy nghĩ, hành động để vượt qua khó khăn, thách thức
- + Sáng tạo: là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

2. Chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng thực hiện các kỹ năng nghiệp vụ của nhà báo và công việc ở các toà soạn báo, hãng tin, đài phát thanh, đài truyền hình, báo mạng điện tử; làm chuyên môn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng ngành báo chí; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành báo in;
- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn báo chí – truyền thông của Việt Nam và thế giới;
- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm báo in;
- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực báo chí - truyền thông.

2.1.2.2. Về kỹ năng

Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng tích hợp trong lao động sáng tạo tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí và chuyên ngành báo in: Kỹ năng phát hiện đề tài, thu thập và xử lý thông tin, sáng tạo tác phẩm Báo in, biên tập, theo dõi phản hồi...
- Có kỹ năng tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông nói chung và loại hình Báo in nói riêng: Tác phẩm báo chí thông tấn, chính luận; thiết kế, tổ chức dự án sản phẩm báo chí – truyền thông ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị...
- Có kỹ năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong lao động báo chí: trong sáng tạo tác phẩm báo chí, trong tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí – truyền thông.

Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;
- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong tác nghiệp báo chí;
- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

2.1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí.
- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.
- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

2.2. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Phóng viên, biên tập viên và các công việc chuyên môn khác trong các toà soạn báo, tạp chí, các hãng tin và các cơ quan báo chí khác (đài phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử...) có nhu cầu nhân lực báo chí tích hợp chuyên ngành Báo in;
- Cán bộ chuyên môn báo chí trong các cơ quan, đơn vị đòi hỏi kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ báo chí;
- Ngoài ra, có thể thực hiện các chức trách công tác tại các cơ quan, đơn vị có liên quan đến báo chí - truyền thông.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Nếu có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá trở lên có thể tham gia tuyển sinh đào tạo thạc sĩ ngành Báo chí học, chuyên ngành *Báo chí* hoặc *Quản lý báo chí – truyền thông*.

- Nếu có bằng thạc sĩ có thể tham gia xét tuyển đào tạo tiến sĩ ngành Báo chí học.

- **Trình độ ngoại ngữ:** Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- **Trình độ tin học:** Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Căn cứ xây dựng chương trình

3.1. Căn cứ thực tiễn

3.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Ban hành năm 2020);

- Chương trình đào tạo đại học ngành Báo chí hiện hành tại một số cơ sở đào tạo như Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Văn hóa Hà Nội...

Chương trình đào tạo quốc tế:

- Chương trình cử nhân báo chí Đa phương tiện (ĐH Bournemouth, Anh Quốc)
- Chương trình cử nhân Truyền hình và Báo chí kỹ thuật số (ĐH Syracuse, New York, Mỹ)
- Chương trình cử nhân Phương tiện truyền thông thông số và truyền thông (ĐH Westminster)

3.1.2. Kết quả khảo sát

* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2021, 2022 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

3.2 Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 của Quốc hội ban hành;

Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29/04/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

4.1. Về kiến thức

Kiến thức đại cương

PLO 1. Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.

PLO 2. Hiểu và vận dụng một cách hệ thống kiến thức các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học, như chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, văn hóa, ngôn ngữ, tâm lý, văn học...

Kiến thức cơ sở ngành.

PLO 3. Hiểu các lý thuyết, mô hình truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng; đặc điểm, xu hướng báo chí truyền thông thế giới và Việt Nam, đồng thời phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm lịch sử báo chí, văn hóa báo chí – truyền thông, tâm lý báo chí – truyền thông, truyền thông xã hội và mạng xã hội.

Kiến thức ngành

PLO 4. Phân tích được cơ sở lý luận báo chí, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, đối tượng, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lĩnh vực báo chí.

PLO 5. Xác định được các yêu cầu trong lao động của nhà báo, nguyên tắc hoạt động của nhà báo.

PLO 6. Phân biệt được các loại hình báo chí, bao gồm báo in, báo ảnh, báo phát thanh, báo truyền hình, và báo mạng điện tử; Xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại tác phẩm báo chí theo từng loại hình, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh;

PLO 7: Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại báo chí; nội dung, hình thức các thể loại tác phẩm báo chí theo từng lĩnh vực.

Kiến thức chuyên ngành

PLO 8. Phân tích được đặc điểm của loại hình Báo in, bao gồm đối tượng, nội dung, hình thức, đặc điểm ngôn ngữ và hình ảnh.

PLO 9. Vận dụng được quy trình và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm Báo in.

PLO 10. Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí.

4.2. Về kỹ năng

Kỹ năng chung

PLO 11. Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

PLO 12. Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

PLO 13. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

PLO 14. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo mô tả trong Khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, ban hành kèm thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

PLO 15. Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành kèm thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

Kỹ năng chuyên biệt

PLO 16. Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí, bao gồm: xử lý tình huống và tiếp cận thông tin, phỏng vấn, tra cứu tài liệu, tổng hợp thông tin.

PLO 17. Kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo chí phù hợp với thể loại và đối tượng công chúng, bao gồm: sáng tạo thông điệp tác phẩm; trình bày tác phẩm báo chí sử dụng ngôn ngữ viết, nói và hình ảnh hiệu quả.

PLO 18. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

PLO 19. Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất tác phẩm báo chí.

PLO 20. Kỹ năng tổ chức, phát triển và quản lý các dạng báo in: nhật báo, tạp chí.

PLO 21. Kỹ năng đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện sản xuất tác phẩm và dự án báo chí- truyền thông.

PLO 22. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức có thể hiểu được ý chính của bài nói hoặc viết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực báo chí – truyền thông và có thể diễn đạt được nội dung, ý tưởng về chủ đề dưới hình thức nói và viết.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO 23. Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

PLO 24. Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông.

PLO 25. Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

PLO 26. Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

PLO 27. Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

5. Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Báo in là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình với các modul, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

PLOs	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)																										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
Mục tiêu đào tạo	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X																	
Kiến thức	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X																	
Kỹ năng											x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	X						
Mức độ tự chủ và trách nhiệm																							x	x	x	x	x

6. Chuẩn đầu vào CTĐT

Đối tượng: Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

Tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh từng năm của Học viện.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

8. Nội dung chương trình

8.1. Các khối kiến thức

Khối kiến thức giáo dục đại cương	44
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11
- Khoa học xã hội và nhân văn	15
<i>Bắt buộc:</i>	9
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Tin học	3
- Ngoại ngữ	15/30
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	86
- Kiến thức cơ sở ngành	18
<i>Bắt buộc:</i>	12
<i>Tự chọn:</i>	6/18
- Kiến thức ngành	28
- Kiến thức bổ trợ	11
<i>Bắt buộc:</i>	5
<i>Tự chọn:</i>	6/24
- Kiến thức chuyên ngành	29
<i>Bắt buộc:</i>	23
Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp	8
Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6
<i>Tự chọn:</i>	6/18

8.2. Nội dung chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			44										
A1. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	15	15	15	10	5	20	0	10	45	
2	KT01001	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	5	5	10	10	5	0	5	15	
4	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	5	5	10	10	10	0	0	15	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
A2. Khoa học xã hội và nhân văn			15										
Bắt buộc			9										
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	30	15	0	20	10	20	0	10	0	
7	CT01001	Chính trị học	2	20	5	5	15	5	5	0	5	15	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	20	5	5	15	5	10	0	0	15	
9	TG01004	Phương pháp	2	15	15	0	5	10	30	0	0	0	

		ngiên cứu khoa học xã hội và nhân văn											
<i>Tự chọn</i>			<i>6/18</i>	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
10	XH01001	Xã hội học đại cương	2	20	5	5	15	5	5	0	5	15	
11	QT02552	Địa chính trị thế giới	2	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
12	ĐC01001	Tiếng Việt thực hành	2	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
13	KT01006	Kinh tế học đại cương	2	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
14	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
15	ĐC01006	Ngôn ngữ học đại cương	2	20	5	5	20	0	10	0	0	15	
16	TG01007	Tâm lý học xã hội	2	20	5	5	15	5	10	0	0	15	
17	QT01001	Quan hệ quốc tế đại cương	2	20	5	5	20	0	5	0	5	15	
18	ĐC01004	Lý luận văn học	2	20	5	5	20	10	15	0	0	0	
A3. Toán và khoa học tự nhiên			3										
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	3	5	20	20	5	0	0	40	0	60	
A4. Ngoại ngữ			15/30										
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	4	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	4	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	4	25	25	10	20	5	30	0	20	30	

23	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	3	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	4	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	4	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	20	20	5	15	5	25	0	15	15	
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	25	25	10	20	5	30	0	20	30	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			86										
B1. Kiến thức cơ sở ngành			18										
<i>Bắt buộc</i>			<i>12</i>										
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	20	20	5	15	5	15	0	25	15	
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	3	20	20	5	10	10	20	0	20	15	
30	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	3	20	20	5	15	5	15	0	25	15	
31	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3	15	15	15	10	5	15	0	15	45	
<i>Tự chọn</i>			<i>6/18</i>										
32	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
33	BC03207	Biên tập văn bản báo chí	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
34	BC02803	Tâm lý học báo	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	

		chỉ – truyền thông											
35	PT02805	Lịch sử báo chí	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
36	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
37	BC02804	Văn hoá báo chí - truyền thông	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
B2. Kiến thức ngành			28										
<i>Bắt buộc</i>			28										
38	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
39	BC03802	Lao động nhà báo	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
40	BC03804	Tác phẩm báo in	5	30	45	0	20	10	20	10	60	0	
41	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	5	25	40	10	15	10	20	20	40	30	
42	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	5	30	45	0	20	10	20	10	60	0	
43	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	5	25	40	10	15	10	20	30	30	30	
44	BC03821	Thực tế chính trị - xã hội	2	15	15	0	15	0	0	0	30	0	
B3. Kiến thức bổ trợ			11										
<i>Bắt buộc</i>			5										
45	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5	30	40	5	20	10	80	0	0	15	
	<i>Tự chọn</i>		6/18										
46	BC03813	Báo chí về	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	

		chính trị - xã hội											
47	PT03814	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
48	BC03815	Báo chí về khoa học và giáo dục	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
49	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
50	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
51	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
52	PT03819	Báo chí về thể thao và giải trí	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
53	BC03820	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3	20	20	5	10	10	15	0	25	15	
B3. Kiến thức chuyên ngành			15										
Bắt buộc			9										
54	BC03601	Tác phẩm báo chí thông tấn	6	30	60	0	15	15	30	0	90	0	
55	BC03602	Tác phẩm báo chí chính luận	3	15	30	0	10	5	30	0	30	0	
Tự chọn			6/18										
56	BC03808	Ảnh báo chí	3	15	30	0	10	5	30	0	30	0	
57	BC03809	Nhật báo và tuần báo	3	15	30	0	10	5	30	0	30	0	

58	BC03810	Tạp chí	3	10	25	10	10	0	20	10	20	30	
59	BC03811	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt	3	15	30	0	10	5	30	0	30	0	
60	BC03812	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông	3	15	20	10	10	5	20	5	20	30	
61	BC03603	Thiết kế và trình bày báo	3	15	30	0	10	5	30	0	30	0	
B3. Thực tập và khóa luận			14										
62	BC03822	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	4	10	35	15	10	0	0	0	102.5	0	
63	BC03823	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4	10	35	15	10	0	0	0	102.5	0	
64	BC04801	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp	6	10	65	15	10	0	0	0	65	45	
<i>Học phần thay thế khóa luận</i>			<i>6</i>										
65	BC04812	Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu	3	45	15	30	0	10	5	30	0	30	
66	BC04813	Tác phẩm báo chí chuyên sâu	3	45	15	30	0	10	5	30	0	30	

9. Ma trận liên kết giữa các học phần với CDR của CTĐT

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Báo in là bảng đối ứng chuẩn đầu ra (CDR) chương trình với các modul, học phần trong chương trình đào tạo, thể hiện sự đóng góp của các mô đun, học phần trong hình thành chuẩn đầu ra, được xác định thành hai cấp độ như sau:

Cấp độ 1 (1). Học phần giới thiệu các nội dung kiến thức/kỹ năng liên quan đến chuẩn đầu ra nhưng sinh viên chưa được thực hành (CĐR) đó.

Cấp độ 2 (2). Sinh viên được thực hành CĐR, các nội dung kiểm tra đánh giá được CĐR.

TT	Mã học phần	Kiến thức										Kỹ năng										Năng lực tự chủ						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	TM01012	2										2	1	2	2													
2	KT01001	2										2	1	2	2													
3	CN01002	2										2	1	2	2													
4	LS01001	2										2	1	2	2													
5	TH01001	2										2	1	2	2													
6	NP01001		2									2	1	2	2													
7	CT01001		2									2	1	2	2													
8	XD01001		2									2	1	2	2													
9	TG01004			2								2	1	2	2													
10	XH 01001	2										2	1	2	2													
11	QT 02552	2										2	1	2	2													
12	DC 01001	2										2	1	2	2													
13	KT 01004	2										2	1	2	2													
14	TT 01002											2	1	2	2													
15	DC 01006	2										2	1	2	2													
16	TG 01007	2										2	1	2	2													
17	QT01001	2										2	1	2	2													
18	ĐC01004	2										2	1	2	2													
19	DC 01005											2	1	2	2													
20	NN01015											2	1	2		2												
21	NN01016											2	1	2		2												
22	NN01017											2	1	2		2												
23	NN01018											2	1	2		2												
24	NN01019											2	1	2		2												
25	NN01020											2	1	2		2												

26	NN01021										2	1	2		2													
27	NN01022										2	1	2		2													
28	BC02801				2						2	1	2		2								1			1		
29	PT02304						2				2	1	1			1							1					
30	QQ02101				2						2																	
31	BC03803								2		2					1							1					
32	PT03801							2			2					1										1		
33	BC03207						2			1			2				2						1			1		
34	PT02805				2						2					1												
35	BC02803				2						2												1	1	1			
36	PT02807				2						2															1	1	
37	BC02804				2						2					1										1		
38	BC02110							2			2					1										1		
39	BC03802								2		2					1		1					1		1	1		
40	BC03804										2				2	2		2										
41	PT03805										2				2	2		2					1	1		1		
42	PT03806										2				2	2		2					1	1		1		
43	PT03807										2				2	2		2					1	1		1		
44	BC03840			1							1	1				2			1		1		1	1	1	1	1	
45	PT03848										2					2		2		1								
46	BC03813										2														1	1		
47	PT03814										2														1	1		
48	BC03815										2														1	1		
49	PT03816										2														1	1		
50	BC03817										2														1	1		
51	PT03818										2														1	1		
52	PT03819										2														1	1		
53	BC03820										2														1	1		
54	BC02619												1				1	2					1			1		
55	BC03810										1	1	2			2	2	2	1	1	1		1	1	1	1	1	1
56	BC03808										1	1	1			1	2	2	1	1	2	1		1	1	1	1	1

57	BC03809													1				2	2	2	1	1	1		1	1	1	1	1
58	BC03810						1				1							2	2		1	1	1		1	1	1		1
59	BC03811						1				1							2	2		1	1	1		1	1	1	1	1
60	BC03812																	1	1	2		1			1		1		
61	BC03603				1											2						2			1		1		
62	BC03822						1				1							2	2		1	1	1		1	1	1		1
63	BC03823										1	1	1					2	2	2	1	1	1		1	1	1	1	1
64	BC04801										1	1	1					2	2	2	1	1	1		1	1	1	1	1
65	BC04812										2	2	1					2	2	1	2	1	1		1	1	1	1	1
66	BC04813										1	1						1	2	1	2		1		1	1	1	1	1

10. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

- Năm học thứ 1: Sinh viên học chương trình đại cương. Cùng lúc đó, sinh viên được hướng dẫn chủ động tìm hiểu lý luận và kỹ năng báo chí cơ bản phục vụ cho quá trình đào tạo tiếp sau.

- Năm thứ 2: Sinh viên học các môn học cơ sở ngành về báo chí- truyền thông nói chung, Báo in nói riêng.

- Năm thứ 3: Sinh viên được sắp xếp kiến tập tại các cơ sở thực tế, song song với học các môn học liên quan đến Báo in theo kế hoạch.

- Năm thứ 4: Sinh viên được đào tạo các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về Báo in và được sắp xếp thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở có liên kết.

Cụ thể:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1.	Triết học Mác – Lênin	3	X							
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		X						
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X							
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			X					
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		X						

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
6.	Pháp luật đại cương	3	X							
7.	Chính trị học đại cương	2			X					
8.	Xây dựng Đảng	2						X		
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	X							
10.	Xã hội học đại cương	2		X						
11.	Địa chính trị thế giới	2		X						
12.	Tiếng Việt thực hành	2		X						
13.	Kinh tế học đại cương	2		X						
14.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		X						
15.	Ngôn ngữ học đại cương	2		X						
16.	Tâm lý học xã hội	2		X						
17.	Quan hệ quốc tế đại cương	2		X						
18.	Lý luận văn học	2		X						
19.	Tin học ứng dụng	3		X						
20.	Tiếng Anh học phần 1	3	X							
21.	Tiếng Anh học phần 2	4		X						
22.	Tiếng Anh học phần 3	3			X					
23.	Tiếng Anh học phần 4	5				X				
24.	Tiếng Trung học phần 1	3	X							
25.	Tiếng Trung học phần 2	4		X						
26.	Tiếng Trung học phần 3	3			X					
27.	Tiếng Trung học phần 4	5				X				

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
28.	Lý thuyết truyền thông	3	X							
29.	Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông	3			X					
30.	Quan hệ công chúng và quảng cáo	3					X			
31.	Công chúng báo chí – truyền thông	3						X		
32.	Ngôn ngữ báo chí	3			X					
33.	Biên tập văn bản báo chí	3			X					
34.	Tâm lý học báo chí – truyền thông	3			X					
35.	Lịch sử báo chí	3			X					
36.	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3			X					
37.	Văn hoá báo chí - truyền thông	3			X					
38.	Cơ sở lý luận báo chí	3		X						
39.	Lao động nhà báo	3			X					
40.	Tác phẩm báo in	5				X				
41.	Tác phẩm báo phát thanh	5				X				
42.	Tác phẩm báo truyền hình	5					X			
43.	Tác phẩm báo mạng điện tử	5					X			
44.	Thực tế chính trị - xã hội	2					X			
45.	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	5				X				
46.	Báo chí về chính trị - xã hội	3							X	
47.	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	3							X	
48.	Báo chí về khoa học và giáo dục	3							X	
49.	Báo chí về an ninh quốc phòng	3							X	

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
50.	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	3							X	
51.	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	3							X	
52.	Báo chí về thể thao và giải trí	3							X	
53.	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3							X	
54.	Tác phẩm báo chí thông tấn	3							X	
55.	Tác phẩm báo chí chính luận	3							X	
56.	Ảnh báo chí	3							X	
57.	Nhật báo và tuần báo	3						X		
58.	Tạp chí	3						X		
59.	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt	3						X		
60.	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông	3						X		
61.	Thiết kế và trình bày báo	3						X		
62.	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	3						X		
63.	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	4						X		
64.	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp	4								X
65.	Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu	6								X
66.	Sáng tạo tác phẩm báo chí chuyên sâu	3								X

11. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp giảng dạy thường được sử dụng ở bậc đại học:

TT	Phương pháp giảng dạy
1	Giảng lý thuyết
2	Thảo luận
3	Nghiên cứu trường hợp
4	Dạy học thông qua vấn đề
5	Dạy học thông qua làm dự án
6	Thuyết trình
7	Đóng vai, mô phỏng
8	Làm thí nghiệm, bài tập thực hành
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập

12. Phương pháp học tập

Phương pháp học tập phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp học tập thường được sử dụng ở bậc đại học:

TT	Phương pháp học tập
1	Học lý thuyết
2	Thảo luận
3	Nghiên cứu trường hợp
4	Học thông qua vấn đề
5	Học thông qua dự án
6	Thuyết trình
7	Đóng vai, mô phỏng
8	Làm thí nghiệm, bài tập thực hành
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập

13. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
1	Triết học Mác – Lênin	x																
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x																
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x																
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x																
5	Tư tưởng	x																

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	Hồ Chí Minh																	
6	Pháp luật đại cương	x																
7	Chính trị học đại cương	x																
8	Xây dựng Đảng	x																
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	x																
10	Xã hội học đại cương	x																
11	Địa chính trị thế	x																

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	giới																	
12	Tiếng Việt thực hành	x																
13	Kinh tế học đại cương	x																
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam						x											
15	Ngôn ngữ học đại cương							x										
16	Tâm lý học xã hội				x													
17	Quan hệ quốc tế đại cương																	
18	Lý luận văn học							x										

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
19	Tin học ứng dụng			x														
20	Tiếng Anh học phần 1			x														
21	Tiếng Anh học phần 2			x														
22	Tiếng Anh học phần 3			x														
23	Tiếng Anh học phần 4			x														
24	Tiếng Trung học phần 1			x														
25	Tiếng Trung học phần 2			x														
26	Tiếng			x														

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	Trung học phần 3																	
27	Tiếng Trung học phần 4			x														
28	Lý thuyết truyền thông							x										
29	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông																	
30	Quan hệ công chúng và quảng cáo							x										
31	Công chúng							x										

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	báo chí – truyền thông																	
32	Ngôn ngữ báo chí	x																
33	Biên tập văn bản báo chí	x																
34	Tâm lý học báo chí – truyền thông							x										
35	Lịch sử báo chí						x											
36	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	x																
37	Văn hoá báo chí -						x											

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	truyền thông																	
38	Cơ sở lý luận báo chí						x											
39	Lao động nhà báo							x										
40	Tác phẩm báo in							x										
41	Tác phẩm báo phát thanh																	
42	Tác phẩm báo truyền hình							x										
43	Tác phẩm báo mạng điện tử																	
44	Thực tế						x											

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	chính trị - xã hội																	
45	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số							x										
46	Báo chí về chính trị - xã hội					x												
47	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội							x										
48	Báo chí về khoa học và giáo dục							x										
49	Báo chí về an ninh							x										

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	quốc phòng																	
50	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật							x										
51	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu																x	
52	Báo chí về thể thao và giải trí							x										
53	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu							x										
54	Tác							x										

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	phẩm báo chí thông tấn																	
55	Tác phẩm báo chí chính luận							x										
56	Ảnh báo chí							x										
57	Nhật báo và tuần báo							x										
58	Tạp chí							x										
59	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt								x									
60	Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông							x										

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
61	Thiết kế và trình bày báo							x										
62	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)								x									
63	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)							x										
64	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp /Dự án tốt nghiệp								x									
65	Lý thuyết và kỹ năng báo							x										

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyển (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	
	chí truyền thông dữ liệu																	
66	Sáng tạo tác phẩm báo chí chuyên sâu							x										

14. Điều kiện đội ngũ

14.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Lê Thị Nhã	1966	Báo chí			x		
2	Vũ Huyền Nga	1975	Báo chí			x		
3	Nguyễn Thị Trường Giang	1978	Báo chí		x	x		
4	Đỗ Thị Thu Hằng	1969	Báo chí		x	x		
5	Nguyễn Văn Dũng	1957	Báo chí		x	x		
6	Trương Thị Kiên	1978	Báo chí		x	x		
7	Đinh Thị Xuân Hoà	1974	Báo chí			x		
8	Nguyễn Văn Trường	1974	Báo chí			x		

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
9	Trần Thị Vân Anh (1979)	1979	Ngôn ngữ			x		
10	Trần Quang Huy	1968	Ngoại ngữ, Kinh tế				x	
11	Lương Thị Phương Diệp	1985	Báo chí				x	
12	Dương Quốc Bình	1986	Truyền thông				x	
13	Lê Ngọc Tùng	1981	Báo chí				x	
14	Đinh Ngọc Sơn	1963	Báo chí				x	
15	Nguyễn Nga Huyền	1985	Báo chí			x		

14.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Nguyễn Thành Lợi	1974	Truyền thông		x	x		
2	Ngô Việt Anh	1979	Báo chí				X	
3	Vũ Tuấn Anh	1978	Truyền thông			X		
4	Lê Hải	1981	Báo chí			X		
5	Phạm Thị Thu Huyền	1980	Báo chí			X		
6	Trần Bảo Khánh	1958	Báo chí			x		
7	Nhạc Phan Linh	1981	Xã hội học			x		
8	Nguyễn Quang Vinh	1967	Báo chí			x		
9	Nguyễn Thị Bích Yên	1978	Báo chí			x		
10	Trần Thị Tri	1963	Kinh tế			x		

15. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT**15.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy****Phòng thực hành, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1
2	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh.	2
4	Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh	- Bộ trộn tín hiệu. - Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	1

<i>TT</i>	<i>Tên</i>	<i>Các trang thiết bị chính</i>	<i>Số lượng</i>
5	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	1

<i>TT</i>	<i>Tên</i>	<i>Các trang thiết bị chính</i>	<i>Số lượng</i>
6	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu. - Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	1

<i>TT</i>	<i>Tên</i>	<i>Các trang thiết bị chính</i>	<i>Số lượng</i>
7	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy in khổ A3.	1
8	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10	Phòng thực hành Báo mạng điện tử	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	1
11	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

Thống kê phòng học

<i>TT</i>	<i>Loại phòng</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Diện tích sàn xây dựng (m²)</i>
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	3.709
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

15.2. Học liệu phục vụ học tập giảng dạy (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: <http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace>.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.097 tài liệu, trong đó 1.996 tài liệu in, 1131 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	36.251 tài liệu, trong đó: 27.132 tài liệu in; 9,119 tài liệu số.

15.3. Thống kê giáo trình, bài giảng (tổng hợp từ sách và giáo trình ở đề cương chi tiết học phần): thống kê số lượng và phân loại: số giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, đề cương bài giảng...

STT	Loại tài liệu	Số lượng
1	Giáo trình	60
2	Sách chuyên khảo	70
3	Sách tham khảo	70
4	Đề cương bài giảng	10

16. Một số lưu ý về thực hiện chương trình

- Thời gian điều chỉnh: 2 năm rà soát điều chỉnh, đổi mới chương trình 1 lần.
- Sinh viên được học tích lũy trước 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ
- Sinh viên được xét tuyển học song bằng khi tích lũy đủ 30 tín chỉ trong CTĐT ngành thứ nhất
- Xác định các học phần tương đương với các học phần được điều chỉnh về nội dung, tên gọi, số tín chỉ hoặc các học phần thay thế cho học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình mới.
 - + Sinh viên sử dụng môn học thay thế tương đương với các học phần tự chọn trong chương trình khung
 - + Môn học cũ nhưng nay tăng số tín chỉ thì phải học môn học đó với số tín chỉ mới
 - + Môn học được gộp với số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới thì phải học môn học thay thế trong chương trình khung
- Sinh viên chọn một học phần tự chọn trong cùng khối kiến thức không trùng với học phần đã học để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ.

17. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2020	Chương trình năm 2022	Ghi chú
Mục tiêu đào tạo	Có	Cập nhật, điều chỉnh	
Chuẩn đầu ra	33	Xác định mang tính tổng quát hơn, giảm còn 27	
Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra	Chưa có	Có	

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2020	Chương trình năm 2022	Ghi chú
của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia			
Tiêu chí tuyển sinh	Có	Có	
Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	Có	Có	
Nội dung chương trình	Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ	-Phân bổ cụ thể số giờ tín chỉ lý thuyết, thực hành, tự học, các tiết học lý thuyết trực tiếp, trực tuyến, thực hành tại phòng học lý thuyết, thực hành trực tuyến, thực hành tại thực địa, thực hành tại phòng thực hành, tự học có hướng dẫn, có kiểm tra, đánh giá của giảng viên.	
Ma trận liên kết giữa các học phần với CDR của CTĐT	Có	Có, điều chỉnh	
Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	Có	Có, điều chỉnh phù hợp chương trình	
Hình thức đánh giá	Có	Bổ sung thêm hình thức cụ thể, có đánh giá trực tuyến	
Hướng dẫn thực hiện chương trình	Có	Có, điều chỉnh theo yêu cầu của chương trình mới	
Điều kiện đội ngũ	Chưa có	Bổ sung, cập nhật đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng	
Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT	Có	Có, bổ sung dữ liệu gồm Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, thống kê về học liệu có trong Thư viện, thống kê giáo trình, bài giảng.	

18. Mô tả các học phần

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương				44
Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh				11
1	TM01012	Triết học Mác – Lênin	Giới thiệu chung về triết học và vai trò của triết học trong đời sống; những nội dung cơ bản của triết học Mác – Lênin, như: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức, hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, vấn đề con người.	3.0
2	KT01001	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy tư bản, các loại hình tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền; quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất và thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế thị trường định hướng XHCN, quan hệ phân phối, quan hệ kinh tế đối ngoại; nội dung, tác dụng của các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế hàng hóa và các vấn đề có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	2.0
3	CN01002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hệ thống tri thức và phương pháp nghiên cứu lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội XHCN, liên minh giai cấp, dân chủ XHCN, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; CNXH hiện thực và mô hình XHCN trên thế giới hiện nay.	2.0
4	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh, về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam, ĐCS Việt Nam, nhà nước; đại đoàn kết; nhân văn, đạo đức, văn hóa.	2.0
5	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	Những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ	2.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
		Nam	năm 1930 đến nay.	
Khoa học xã hội và nhân văn				15
Bắt buộc				9
6	NP01001	Pháp luật đại cương	Những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự; những vấn đề phòng chống tham nhũng trong quản lý, kinh nghiệm, các biện pháp chủ yếu để phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	3.0
7	CT01001	Chính trị học đại cương	Những kiến thức cơ bản về lĩnh vực chính trị, từ lịch sử tư tưởng chính trị, quyền lực chính trị, hệ thống tổ chức quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị; xu hướng chính trị thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam.	2.0
8	XD01001	Xây dựng Đảng	Những kiến thức cơ bản về hệ thống tư tưởng, quan điểm của Mác-Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh, ĐCS Việt Nam về Đảng và xây dựng Đảng; xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức; nguyên tắc, hệ thống tổ chức của Đảng; xây dựng đội ngũ đảng viên; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, dân vận của Đảng; sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2.0
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học: cách xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết, đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học; phương pháp luận và một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2.0
Tự chọn (Chọn 3 trong 9 học phần dưới đây)				6/18
10		Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn xã hội học như: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của xã hội học; Các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra	2.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
	XH 01001		xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn – đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	
1 1	QT 02552	Địa chính trị thế giới	Những kiến thức khái quát, cơ bản, hệ thống về địa – chính trị thế giới qua các thời kỳ lịch sử, thể hiện, tiếp cận và giải thích các sự kiện và diễn biến chính trị ở các khu vực địa lý, vùng lãnh thổ, quốc gia, khu vực, châu lục dựa trên nền của các yếu tố địa lý và phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá thông tin về các sự kiện quốc tế thông qua tìm hiểu, phân tích dưới góc nhìn địa – chính trị.	2.0
1 2	DC 01001	Tiếng Việt thực hành	Những nội dung cơ bản, khái quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	2.0
1 3	KT 01004	Kinh tế học đại cương	Những kiến thức cơ bản, các nguyên tắc chủ yếu của kinh tế học, đồng thời áp dụng các quan điểm kinh tế vào các bài toán kinh doanh	2.0
1 4	TT 01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; văn hóa với môi trường, văn hóa sinh hoạt vật chất, văn hóa sinh hoạt tinh thần, các đơn vị xã hội Việt Nam và những quan điểm của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong giai đoạn hiện nay.	2.0
1 5	DC 01006	Ngôn ngữ học đại cương	Những kiến thức cơ bản và khái quát về các vấn đề ngôn ngữ học đại cương và trong báo chí – truyền thông; các kỹ năng xử lý ngôn từ, kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ trong mối quan hệ với đối tượng tiếp nhận.	2.0
1 6	TG 01007	Tâm lý học xã hội	Những kiến thức cơ bản nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai; kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt	2.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
			đẹp.	
1 7	QT01001	Quan hệ quốc tế	Môn học gồm các nội dung cơ bản và hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	2.0
1 8	ĐC01004	Lý luận văn học	Những kiến thức cơ bản về lý luận văn học và ứng dụng trong thực tiễn, lí giải rõ các thành tố làm nên văn học và mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố đó với văn học; tìm hiểu mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật, định vị chính xác Văn học trong các hệ thống, trong các mối quan hệ.	2.0
Toán và khoa học tự nhiên				3
1 9	DC 01005	Tin học ứng dụng	Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu; cách sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể.	3.0
Ngoại ngữ (tự chọn Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung)				
Tiếng Anh				15
2 0	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Sử dụng các từ vựng, cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, dễ hiểu trong giao tiếp hàng ngày theo văn phong phù hợp với ngữ cảnh; Mở rộng vốn kiến thức nên liên quan đến các vấn đề của đời sống theo các chủ đề trong các đơn vị bài học; Trình bày các nội dung thông tin đơn giản bằng tiếng Anh, tương đương cấp độ A2 khung châu Âu, hay bậc 3/6;	4.0
2 1	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo hơn trong giao tiếp hàng ngày theo văn phong phù hợp với ngữ cảnh; Mở rộng vốn kiến	4.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
			thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống; Trình bày các nội dung thông tin đơn giản và phức tạp hơn bằng tiếng Anh ở mức độ theo chương trình được thiết kế. Thông qua các bài học tiếng Anh, sinh viên nhận thức được vai trò vị trí của môn học phục vụ cho học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực đào tạo của mình.	
2 2	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo ở mức độ nhất định trong giao tiếp hàng ngày theo văn phong phù hợp với ngữ cảnh; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống quá khứ và đương đại; Trình bày các nội dung thông tin đơn giản và phức tạp hơn bằng tiếng Anh ở một mức cao hơn tiếng Anh 2; Khẳng định năng lực tự học, tự nghiên cứu tiếng Anh, bước đầu có thể áp dụng tra cứu để phục vụ cho công tác học tập chuyên ngành.	4.0
2 3	NN01018	Tiếng Anh học phần 4	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo. Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan, có năng lực tự học, tự nghiên cứu tiếng Anh, bước đầu có thể áp dụng tra cứu để phục vụ cho công tác học tập chuyên ngành.	3.0
Tiếng Trung				15
2 4	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán...Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4.0
2 5	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiên trung cấp.	4.0
2 6	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống	4.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
			đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	
2 7	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	Học phần ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	3.0
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				86
Kiến thức cơ sở ngành				18
Bắt buộc				12
2 8	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	3.0
2 9	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí	Những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền	3.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
		– truyền thông	thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	
3 0	QQ02101	Quan hệ công chúng và quảng cáo	Học phần làm rõ hệ thống lý thuyết cơ bản về quan hệ công chúng và quảng cáo và các mô hình truyền thông được sử dụng trong lĩnh vực này. Người học có thể phân biệt rõ được sự khác nhau giữa khái niệm, vai trò và chức năng của quan hệ công chúng và quảng cáo; làm rõ mối quan hệ của các ngành nghề này với các ngành nghề khác trong lĩnh vực truyền thông. Người học sẽ được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá các sản phẩm hoặc các chiến dịch truyền thông; kỹ năng lập kế hoạch truyền thông trong hoạt động PR và quảng cáo.	3.0
3 1	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng về công chúng báo chí - truyền thông: khái niệm, phân loại, đặc điểm, vai trò công chúng; Hoạt động tiếp nhận của công chúng; Phương pháp tiếp cận công chúng; Chiến lược và giải pháp phát triển công chúng. Sinh viên được thực hành nghiên cứu công chúng báo chí - truyền thông, rèn luyện các kỹ năng tiếp cận, nghiên cứu công chúng bằng các sản phẩm truyền thông.	3.0
<i>Tự chọn (chọn 2 trong 6 học phần)</i>				6/18
3 2	PT03801	Ngôn ngữ báo chí	Những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí, hiểu và ứng dụng được chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ báo chí trên các phương diện ngữ âm, từ vựng, cú pháp; hiểu và sử dụng ngôn ngữ báo trong tác phẩm báo chí...; có kỹ năng đánh giá ngôn ngữ báo chí trên một tác phẩm báo chí thuộc một thể loại, loại hình báo chí bất kỳ.	3.0
3 3	BC03207	Biên tập văn bản báo chí	Nắm được đặc điểm của công tác biên tập, quy trình biên tập; từ việc lập kế hoạch tới các công đoạn biên tập văn bản ở các toà soạn cơ quan báo chí, các mẹo biên tập, ký hiệu dùng trong biên tập, thực hành kỹ năng biên tập văn bản báo chí.	3.0
3	BC02803	Tâm lý học báo	Những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí	

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
4		chí – truyền thông	truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý giao tiếp, tâm lý học sáng tạo và tâm lý tiếp nhận các sản phẩm báo chí truyền thông	3.0
3 5	PT02805	Lịch sử báo chí	Những nội dung cơ bản, khái quát về nguồn gốc ra đời, quá trình và xu hướng phát triển của báo chí nói chung và các loại hình báo chí nói riêng như: báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng...	3.0
3 6	PT02807	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông xã hội: sự ra đời và phát triển của truyền thông xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu một số mạng xã hội tiêu biểu, đặc điểm và vai trò của truyền thông xã hội, các xu hướng phát triển của truyền thông xã hội, các nguyên tắc ứng xử trên truyền thông xã hội, mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông xã hội. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng sử dụng mạng xã hội.	3.0
3 7	BC02804	Văn hoá báo chí - truyền thông	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa báo chí truyền thông: Khái niệm văn hóa báo chí truyền thông, mối quan hệ giữa văn hóa và báo chí truyền thông; thực trạng văn hóa báo chí truyền thông và những giải pháp giúp nâng tầm văn hóa báo chí truyền thông hiện nay. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng, thái độ ứng xử có văn hóa khi đi tác nghiệp tại cơ sở; giúp sinh viên chuyên ngành báo chí có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết của mình về văn hóa báo chí truyền thông để ứng dụng trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này.	3.0
Kiến thức ngành				28
Bắt buộc				28
3 8	BC02110	Cơ sở lý luận báo chí	Những kiến thức cơ bản về truyền thông, báo chí; các loại hình báo chí đương đại; công chúng báo chí; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí; các chức năng cơ bản của báo chí; các vấn đề tự do báo chí; lao động báo chí; phương pháp tiếp cận của báo chí-truyền thông; nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí. Kỹ năng nghiên cứu, làm việc nhóm phân tích đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm	3.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
			nghề nghiệp; phân tích, đánh giá các sự kiện và vấn đề trên báo chí – truyền thông được công chúng và dư luận xã hội quan tâm.	
3 9	BC03802	Lao động nhà báo	Những kiến thức và kỹ năng về đặc thù nghề nghiệp; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của phóng viên; biết được tổ chức lao động trong cơ quan báo chí; nắm vững các phương pháp thu thập, khai thác thông tin, quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí, sản phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được các tác phẩm báo chí, hợp tác tổ chức sản xuất một sản phẩm báo chí.	3.0
4 0	BC03804	Tác phẩm báo in	Những kiến thức cơ bản về các thể loại tác phẩm báo chí; trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối tượng, chức năng, các yếu tố nội dung, hình thức và qui trình sáng tạo tác phẩm báo chí; rèn luyện các kỹ năng và phương pháp sáng tạo các thể loại tác phẩm báo chí. Sau môn học sinh viên có thể thực hành sáng tạo được kỹ năng sáng tạo tác phẩm báo in, tập trung vào hai thể loại: tin, bài phản ánh.	5.0
4 1	PT03805	Tác phẩm báo phát thanh	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo phát thanh: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết cho báo phát thanh, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng sự và chương trình phát thanh. Giúp người học hình thành kỹ năng đọc, nói trên sóng phát thanh, kỹ năng thực hiện các tác phẩm phát thanh thuộc các thể loại: tin, phỏng vấn, phóng sự, và kỹ năng tổ chức sản xuất chương trình phát thanh.	5.0
4 2	PT03806	Tác phẩm báo truyền hình	Những kiến thức và kỹ năng tác nghiệp và sáng tạo tác phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt là những thể loại tác phẩm cơ bản như tin truyền hình, phóng sự truyền hình, phỏng vấn truyền hình. Sinh viên nắm vững quy trình làm tác phẩm, góc độ lựa chọn đề tài và sự phối hợp của một ê kíp sản xuất tác phẩm truyền hình.	5.0
4 3	PT03807	Tác phẩm báo mạng điện tử	Những kiến thức lý thuyết cơ bản về báo mạng điện tử: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc trưng, các yếu tố tác động đến hoạt động báo chí trong bối cảnh nền báo chí số, phương pháp viết cho báo mạng điện tử, đặc điểm thể loại tin, phỏng vấn, phóng	5.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
			sự và bình luận báo mạng điện tử; hiểu được vai trò của nhà báo đa kỹ năng, và phân bổ lao động nhà báo trong các tòa soạn báo điện tử.	
4 4	BC03821	Thực tế chính trị - xã hội	Người học thâm nhập thực tiễn; thu thập kiến thức chính trị - xã hội, nhất là cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị các cấp; viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội; bước đầu thực hành các bước trong quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí – truyền thông tại thực địa.	2.0
Kiến thức bổ trợ				11
<i>Bắt buộc</i>				5
4 5	PT03848	Kỹ thuật và công nghệ truyền thông số	Những kiến thức, nguyên tắc, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị và công nghệ để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, tác phẩm báo in và báo mạng điện tử; Phân tích, đánh giá được hiệu quả sử dụng kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất các tác phẩm phát thanh, truyền hình, báo in và báo mạng điện tử; Biết sử dụng công nghệ truyền thông tin trực tiếp từ hiện trường về ban biên tập.	5.0
<i>Tự chọn (chọn 2 trong 8 học phần)</i>				6/24
4 6	BC03813	Báo chí về chính trị - xã hội	Những kiến thức cơ bản về báo chí chính trị-xã hội và tầm quan trọng của nó trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí chính trị-xã hội và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực chính trị-xã hội; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực chính trị-xã hội	3.0
4 7	PT03814	Báo chí về kinh tế và an sinh xã hội	Những kiến thức, kỹ năng cơ bản thực hiện tác phẩm báo chí về kinh tế và an sinh xã hội. Cụ thể, môn học giúp sinh viên có được: khái niệm công cụ về kinh tế và an sinh xã hội; Hiểu được vị trí, vai trò, kỹ năng cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này; Tự thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực kinh tế và an sinh xã hội.	3.0
4 8	BC03815	Báo chí về khoa học và	Những kiến thức cơ bản về báo chí khoa học và giáo dục trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí khoa học và giáo dục và một số vấn đề đặt ra. Sinh viên nghiên cứu,	3.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
		giáo dục	thực hành sản xuất tác phẩm báo chí về lĩnh vực khoa học và giáo dục; sản xuất sản phẩm chuyên đề về lĩnh vực khoa học và giáo dục.	
4 9	PT03816	Báo chí về an ninh quốc phòng	Những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của quốc phòng an ninh trong giai đoạn hiện nay; mục đích, yêu cầu, nội dung của việc tuyên truyền về giáo dục quốc phòng- an ninh và cách tuyên truyền và những lưu ý khi viết về Quốc phòng-an ninh	3.0
5 0	BC03817	Báo chí về văn hóa và nghệ thuật	Những nội dung cơ bản, khái quát về truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật. các kỹ năng phân tích, phản biện và sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trên các bình diện khác nhau.	3.0
5 1	PT03818	Báo chí về môi trường và biến đổi khí hậu	Những kiến thức và kỹ năng truyền thông về đề tài môi trường và biến đổi khí hậu, các vấn đề cơ bản và cập nhật về môi trường và biến đổi khí hậu, hiểu được vai trò của truyền thông và báo chí trong vấn đề bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; kỹ năng tìm kiếm thông tin, sáng tạo các sản phẩm truyền thông về chủ đề này một cách chính xác, hiệu quả và chuyên nghiệp.	3.0
5 2	PT03819	Báo chí về thể thao và giải trí	Những kiến thức cơ bản về thể thao và giải trí; vị trí, vai trò, kỹ năng và nguyên tắc cơ bản để sáng tạo tác phẩm báo chí về 2 lĩnh vực này; tự thực hiện được những tác phẩm báo chí về lĩnh vực thể thao và lĩnh vực giải trí.	3.0
5 3	BC03820	Báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	Những kiến thức cơ bản của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; tầm quan trọng của báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu trong đời sống xã hội; thông tin về báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu và một số vấn đề đặt ra; nghiên cứu, thực hành sản xuất tác phẩm báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu; sản xuất sản phẩm chuyên đề báo chí - truyền thông với các vấn đề toàn cầu	3.0
Kiến thức chuyên ngành				11
Bắt buộc				9
5 4	BC02619	Tác phẩm báo chí thông tấn	Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết các thể loại tác phẩm thuộc báo chí thông tấn, đặc biệt là	6.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
			những thể loại cơ bản như phỏng vấn, phóng sự, điều tra	
5 5	BC03810	Tác phẩm báo chí chính luận	Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về đặc trưng, thể mạnh, hạn chế, các phương tiện tác động, phương pháp viết các thể loại tác phẩm thuộc báo chí chính luận, đặc biệt là những thể loại cơ bản như bình luận, chuyên luận, xã luận	3.0
<i>Tự chọn (chọn 2 trong 6 học phần)</i>				6/18
5 6	BC03808	Ảnh báo chí	Những kiến thức cơ bản về kỹ thuật và tạo hình nhiếp ảnh báo chí; cơ sở lý luận ảnh báo chí; kỹ năng sáng tạo ảnh đơn; kỹ năng sáng tạo ảnh bộ. sinh viên nghiên cứu, làm việc nhóm, phân tích, đánh giá ảnh báo chí; sáng tạo tác phẩm ảnh báo chí.	3.0
5 7	BC03809	Nhật báo và tuần báo	Những kiến thức cơ bản về Nhật báo và Tuần báo; lịch sử ra đời và phát triển, đặc điểm của Nhật báo và Tuần báo; phân loại, mô hình tổ chức thông tin cho Nhật báo và Tuần báo; tổ chức hoạt động tòa soạn và quy trình sản xuất sản phẩm Nhật báo và Tuần báo; quản trị và kinh doanh sản phẩm Nhật báo và Tuần báo; cách xây dựng mô hình thông tin cho 1 sản phẩm Nhật báo và 1 sản phẩm Tuần báo; thực hiện tổ chức sản xuất 1 sản phẩm Nhật báo và 1 sản phẩm Tuần báo.	3.0
5 8	BC03810	Tạp chí	Những kiến thức cơ bản về Tạp chí; lịch sử ra đời và phát triển, đặc điểm, phân loại Tạp chí; mô hình tổ chức thông tin cho Tạp chí; tổ chức hoạt động tòa soạn và quy trình sản xuất sản phẩm Tạp chí; quản trị và kinh doanh sản phẩm Tạp chí. cách xây dựng mô hình thông tin cho 1 sản phẩm Tạp chí; thực hiện tổ chức sản xuất 1 sản phẩm Tạp chí.	3.0
5 9	BC03811	Ấn phẩm báo chí chuyên biệt	Những kiến thức cơ bản về ấn phẩm báo chí chuyên biệt và tầm quan trọng của báo chí chuyên biệt trong đời sống xã hội; Thông tin về các ấn phẩm báo chí chuyên biệt và một số vấn đề đặt ra. Thực hành sản xuất tác phẩm báo chí cho ấn phẩm báo chí chuyên biệt; sản xuất chuyên đề báo chí cho ấn phẩm báo chí chuyên biệt	3.0
6	BC03812	Dự án báo chí	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về thiết kế dự án báo chí và tổ chức sản xuất sản	3.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
0		và các sản phẩm truyền thông	phẩm truyền thông như: những đặc trưng cơ bản về thiết kế dự án báo chí – truyền thông, khái niệm và đặc điểm của các sản phẩm truyền thông. Kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn trên cơ sở lý thuyết và quan điểm nghề nghiệp; lập kế hoạch tổ chức sản xuất, cũng như sử dụng các công cụ, phần mềm ứng dụng trong thiết kế, sản xuất sản phẩm truyền thông.	
6 1	BC03603	Thiết kế và trình bày báo	Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về thiết kế và trình bày một trang báo, một số báo; cách thức thiết kế như màu sắc, đường nét, mảng khối của mảng sét tờ báo, tiêu đề bài viết; cách thức trình bày chuyên trang, chuyên mục.	3.0
Thực tập và sản phẩm tốt nghiệp				14
6 2	BC03822	Thực tập nghiệp vụ (năm ba)	Những kiến thức thực tiễn tác nghiệp báo chí trong chương trình đào tạo báo chí năm học thứ ba. Cụ thể: tiếp cận cơ quan báo chí để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan báo chí (tổ chức hoạt động cơ quan báo chí; quy trình sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí); thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và sáng tạo tác phẩm báo chí (viết/ảnh/phát thanh/truyền hình/báo mạng điện tử); viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	4.0
6 3	BC03823	Thực tập tốt nghiệp (năm tư)	Những kiến thức thực tiễn tác nghiệp báo chí trong chương trình đào tạo báo chí năm cuối cùng (thực tập tốt nghiệp). Cụ thể: tiếp cận cơ quan báo chí để tham gia vào hoạt động tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan báo chí; thâm nhập thực tiễn để thu thập kiến thức chính trị - xã hội và sáng tạo tác phẩm báo chí ở mức cao hơn đợt thực tập năm thứ ba về số lượng chỉ tiêu tác phẩm (viết/ảnh/phát thanh/truyền hình/báo mạng điện tử); viết báo cáo đánh giá về tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và những thu nhận về đợt thực tập;...	4.0
6 4	BC04801	Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên chọn lựa làm sản phẩm tốt nghiệp hoặc viết khóa luận tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp. Sinh viên lựa chọn đề tài, dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	6.0

T T	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ
		/Dự án tốt nghiệp		
		<i>Học phần thay thế khóa luận/sản phẩm tốt nghiệp</i>		6
6 5	BC04812	Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu	Hiểu và vận dụng các lý thuyết nền tảng về báo chí – truyền thông dữ liệu; các kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích và trực quan hoá dữ liệu để sáng tạo tác phẩm.	3.0
6 6	BC04813	Tác phẩm báo chí chuyên sâu	Hiểu đặc điểm, cấu trúc, phong cách các thể loại báo chí chuyên sâu; thành thạo kỹ năng sáng tạo nội dung, kết hợp các yếu tố đa phương tiện.	3.0
	Tổng	130		



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Trần Văn Thư

VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Thị Thu Hằng